

VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA XÃ HỘI HỌC TƯ SẢN

ĐẶNG CẢNH KHANH

Xã hội học tư sản từ lâu đã nằm trong số những khoa học bị phàn nàn nhiều nhất về những sự mất cân xứng. Điều đáng buồn đối với những người theo đuổi môn học hấp dẫn này là sự phàn nàn nói trên lại hoàn toàn nghiêm túc và không có gì quá đáng.

Hiếm có môn khoa học nào mà trong khi số lượng những công trình xuất bản hằng năm lên cao tuyệt đỉnh thì tỷ lệ những tác phẩm được coi là có giá trị lại xuống thấp tột cùng như xã hội học tư sản. Cũng khó có một môn khoa học nào có thể sánh ngang với xã hội học tư sản về mức độ sản xuất và sử dụng nhiều đến như vậy những khái niệm và phạm trù, nhưng vẫn khái quát một cách lệch lạc và méo mó các quá trình và hiện tượng mà nó nghiên cứu. Tất cả những sự kiện trên đã khiến cho xã hội học tư sản luôn luôn được nhìn nhận như là một môn khoa học có tham vọng như đầu con voi, nhưng giá trị khoa học lại như đuôi con chuột.

Chính bản thân các nhà xã hội học tư sản cũng đã cố gắng rất nhiều trong việc tìm kiếm nguyên nhân những khiếm khuyết trong khoa học của mình. Tuy vậy, những nỗ lực của họ dù tốn kém bao nhiêu vẫn chỉ như là đã trảng xe cát nếu họ không nhìn ra và không công nhận một điều hết sức cơ bản: xã hội học tư sản chưa có và, do thế giới quan giai cấp của mình, không bao giờ có được một phương pháp luận đúng đắn và khoa học.

I

Sự trưởng thành của một môn khoa học không phải chỉ ở hệ thống những khái niệm cơ bản được xây dựng, những quan niệm lý thuyết tổng quát được đưa ra, mà còn ở sự chín muồi của những phương pháp mà nó sử dụng trong quá trình nghiên cứu. Ngày nay, vai trò của phương pháp luận trong quá trình nhận thức, tìm hiểu thế giới khách quan nói chung và trong những hoạt động nghiên cứu khoa học nói riêng đã là điều không thể chối cãi được. Phương pháp luận đóng vai trò quyết định trong việc đạt hay không đạt được một tri thức đúng đắn trong sự thành công hay thất bại của một quá trình nghiên cứu. Phương pháp luận là vấn đề chủ yếu của xã hội học ngay từ khi mới ra đời, nó quyết định sự tồn tại của môn khoa học này.

Lịch sử của xã hội học tư sản cũng là lịch sử của những kiếm tìm không biết mỏi những cơ sở phương pháp luận. Với mục tiêu ban đầu là trở thành một khoa học phổ biến về những quá trình và hiện tượng xã hội, xã hội học coi việc tìm ra được một phương pháp luận khoa học cho mình là một yêu cầu sống còn. Bởi vậy, ngay từ đầu, trên con đường tự tách mình ra khỏi triết học và kinh tế học, nó đã hướng tới những phương pháp chính xác được tôn trọng ở khoa học tự nhiên.

Mọi người đều biết, A. Côngtơ không phải không có dụng ý rõ ràng khi gọi tên

ngành khoa học mới của mình là “vật lý học xã hội”. Người cha đẻ của xã hội học tư sản này không hề che giấu niềm mong muốn đạt tới một sự phân tích, lý giải những hiện tượng xã hội một cách khách quan trên quan điểm khoa học tự nhiên. Nếu từ đó tới nay, nội dung và hình thức của xã hội học tư sản đã đi quá xa với những gì mà Côngtơ trình bày trong thuở ban đầu, thì cái mục tiêu hướng về phương pháp nghiên cứu khoa học tự nhiên vẫn còn nguyên vẹn và chưa hề được đạt tới. Ngày nay, dường như tất cả những gì có thể tìm thấy được ở khoa học tự nhiên, từ những khái niệm, công thức... đến những phát minh mới mẻ nhất, đều được tiếp tục đưa vào xã hội học. Trên cơ sở của những phương pháp đó, theo các nhà xã hội học tư sản, không phải chỉ riêng xã hội học, mà hầu như toàn bộ các khoa học xã hội đã có thể “đứng trước ngưỡng cửa của sự chuyển tiếp từ giai đoạn “tiền khoa học” vào giai đoạn “khoa học thật sự”.

Trên con đường đi tìm phương pháp luận cho ngành khoa học mới của mình, các nhà xã hội học tư sản đã dừng lại trước hết ở lĩnh vực nghiên cứu một trong những hình thức vận động dễ nhận biết nhất: vận động cơ học. Những tiền đề cho việc quy kết các hiện tượng xã hội vào sự vận động cơ học dường như đã từ lâu. Không phải đợi đến khi xã hội học ra đời mà ngay từ thế kỷ XVII, XVIII, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học tự nhiên, đặc biệt là tính chính xác không thể chối cãi được của các định luật cơ học do I. Niuton và G. Galilêi phát hiện, đã tạo ra một nguồn hứng khởi mới không chỉ trong khoa học tự nhiên mà cả trong khoa học xã hội. Phải chăng có thể áp dụng tất cả những quy luật vận động của cơ học vào việc tìm hiểu, giải thích những hiện tượng lịch sử? Phải chăng có thể tính toán được thành phần và nhịp độ của phương trình là có thể giải đáp được tất cả những gì mà bao nhiêu đời nay các thế hệ đi

trước đã chịu bó tay? Trong khi sử dụng những thuật ngữ hoàn toàn mang tính chất cơ học để phân chia xã hội thành hai thành phần “động học” và “tĩnh học”, A. Côngtơ đã khẳng định bằng một câu rất nổi tiếng trong xã hội học tư sản rằng: “Từ chân lý nội tại, tôi có thể chỉ ra rằng quy luật phát triển của loài người cũng được xác định giống như sự rơi của hòn đá”.

Sự việc cũng diễn ra tương tự như trên đối với những nhà xã hội học đi tìm phương pháp luận trong việc ứng dụng những quy luật sinh vật học vào việc tìm hiểu, giải thích đời sống xã hội. Những người này đi tìm “*bản tính tự nhiên*” của con người và xã hội, dùng việc nghiên cứu sự vận động của các tế bào sinh vật để nghiên cứu các tổ chức và cơ chế xã hội. Trong khi khẳng định sự giống nhau về bản chất giữa “cơ thể sinh vật học” và “cơ thể xã hội”, Hécbe Xpenxơ, người sáng lập ra môn sinh vật học xã hội, đã đưa ra những định luật cho sự tiến hóa của xã hội theo cách mà những con thú dùng để đối xử với nhau. Việc đem những phương pháp nghiên cứu các quy luật của thú rừng, những bản năng sinh tồn và di truyền của bầy đàn vào việc tìm hiểu xã hội đã tạo ra những điều ngô và lơ bịch, khiến cho ngay cả các nhà xã hội học tư sản kín tiếng nhất cũng phải công khai bài bác. Tuy vậy, việc nghiên cứu xã hội trên cơ sở cấu trúc của nó mà các nhà sinh vật học xã hội đã đề xướng lại mở ra một loạt hướng đi khác trong việc tìm kiếm phương pháp luận, đặc biệt là tạo ra cơ sở cho họ đưa những thành tựu của khoa học tự nhiên vào việc phân tích thực nghiệm trong xã hội học.

Các nhà xã hội học của trường phái “xã hội học khoa học tự nhiên”, mà đại diện là những nhân vật rất có tiếng tăm như G.A. Lundobéc, P. Ladarafendor, X. Đốt... được coi là những người tuyên truyền với nhiều nhiệt huyết nhất cho việc

đem khoa học tự nhiên vào xã hội học. Trong những công trình nghiên cứu của mình, họ đã nhiều lần nhấn mạnh rằng chỉ có con đường duy nhất ấy mới có thể dẫn các khoa học xã hội tới “sự phát triển cân xứng với thời đại nguyên tử”.

G. Lundobéc, nhân vật có uy tín nhất trong trường phái khoa học tự nhiên, đã cố gắng chứng minh rằng hầu như tất cả các khái niệm của hình học, vật lý học, sinh vật học, y học... đều có thể là chính những khái niệm của xã hội học. Bởi vậy, người ta có thể “đo được sự ứng xử xã hội giống như người ta đo cách cấu thành của các hạt điện tử”, tìm hiểu những “lợi ích”, “nhu cầu”, “nguyện vọng”... của con người giống như tìm hiểu số đo của “lực”, “trường”, “năng lượng”...⁽¹⁾. Theo cách lập luận như trên, các nhà xã hội học không có một phương pháp nào “đúng đắn và chính xác” hơn là đi tìm những “công thức và định lý” cho mọi hiện tượng xã hội. Bởi vậy, hoàn toàn có thể đem những nguyên lý cơ bản của hình học vào nghiên cứu những mô hình xã hội phức tạp như sự phân tầng xã hội, sự vận động qua lại giữa các nhóm và cá nhân... Các phương pháp nghiên cứu hóa học hoàn toàn có thể ứng dụng trong việc tìm hiểu sự pha tạp của tâm lý xã hội, giải thích các hiện tượng về sự giáo dục, đạo đức, sự nảy sinh và mất đi của những dư luận xã hội... Phương pháp mổ xẻ trong y học có thể áp dụng trong việc phát hiện và cứu chữa kịp thời những hiện tượng không lành mạnh trong xã hội, v.v..

Tất nhiên không phải tất cả những nhà xã hội học tư sản đều ủng hộ xu hướng gán ghép một cách thô thiển xã hội học với khoa học tự nhiên theo kiểu các nhà “xã hội học khoa học tự nhiên”. Tuy vậy, những tiền đề phương pháp luận nảy sinh ra từ mối nhân duyên bị ép buộc trên lại tỏ ra có nhiều triển vọng. Ít nhất, nó cũng có thể tạo ra khả năng đi sâu vào (tuy chưa thật chính xác và đầy đủ) những sự việc

và hiện tượng cụ thể trong điều kiện mà xã hội học chưa có một tầm phong nền lý luận vừa chắc và xác đáng. Nó cũng làm cho các nhà xã hội học tư sản tránh được những gì kiêng kỵ với lập trường giai cấp của mình để đi vào những cái tàn mạt và vụn vặt của xã hội. Việc áp dụng phương pháp khoa học tự nhiên vào nghiên cứu xã hội trở thành miếng đất tốt để phát triển xã hội học thực nghiệm và trốn chạy những vấn đề lý thuyết. Bởi vậy, thực nghiệm đối với các nhà xã hội học tư sản trở thành phương pháp thống trị duy nhất trong việc tiếp cận với thực tiễn, phương pháp mà không gì có thể thay thế được.

Có thể coi người đầu tiên quan tâm nhiều tới phương pháp thực nghiệm và viết chuyên khảo về phương pháp luận của xã hội học tư sản là E. Duyéckhem. Trong tập sách của mình xuất bản năm 1895 nhan đề *Những nguyên tắc của phương pháp xã hội học*, Duyéckhem đã vạch ra những chỉ dẫn mà tới nay vẫn được coi là phương pháp nghiên cứu mẫu mực cho xã hội học thực nghiệm tư sản. Trong khi tiếp thu ở nhà triết học Anh Bêcon phương pháp phân tích, mổ xẻ một cách chi tiết hiện thực khách quan, Duyéckhem nhấn mạnh rất nhiều tới tính chất khách quan của người nghiên cứu. Ông đòi hỏi họ sự từ chối hội nhập vào sự kiện và hiện tượng mà chỉ hướng vào việc quan sát phân tích chung từ bên ngoài. Công trình của Duyéck - khem nghiên cứu về nạn tự tử trong đó ông sử dụng một loạt những tài liệu lịch sử, dân tộc, thống kê... được coi là một tài liệu có giá trị đặc biệt về mặt phương pháp nghiên cứu nhiều hơn là nội dung khoa học mà nó đề cập tới.

Ngày nay, tiếp tục phương hướng mà Duyéckhem đề ra, phương pháp nghiên cứu thông qua con đường thực nghiệm

⁽¹⁾ Xem G.A. Lundberg: *Foundattons of Sociology*, tr. 518.

trong xã hội học tư sản đang ngày càng lan rộng và phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là ở xã hội học Mỹ. Nhiều nhà xã hội học tư sản đã lao vào các hoạt động nghiên cứu thực nghiệm với niềm hăm hở của những người tìm thấy phương pháp nghiên cứu mới, bỏ lại phía sau lưng những lý thuyết nghèo nàn, những cuộc tranh luận chung chung không bao giờ chấm dứt trên những giảng đường ảm cúng và những hội trường khoa học chan hòa ánh điện. Sự phát triển của phương pháp thực nghiệm đã khiến cho có thời kỳ người ta tin rằng, đã là nhà xã hội học thì lúc nào trong tay cũng phải có một mẫu bút chì, một bảng câu hỏi hay một chiếc máy tính điện tử nhỏ bé. Các phương pháp thực nghiệm với toán học, thống kê học, mô hình học... luôn luôn là đặc trưng cho xã hội học. Người ta tranh luận với nhau về mức độ chính xác của khoa học không phải ở những quan điểm lý luận mà ở sự so sánh trên những con số thống kê, những bài toán xác suất, những biểu đồ chẳng chịt những màu vẽ khác nhau... Làn sóng nghiên cứu thực nghiệm đã xô đẩy các nhà xã hội học tư sản về rất nhiều hướng khác nhau trong đời sống xã hội. Họ không ngại ngùng đi vào tìm hiểu những chi tiết vụn vặt của cuộc sống hằng ngày, phân tích, mổ xẻ nó tương chừng như vô tội vạ.

Quy mô rộng rãi của những công trình nghiên cứu thực nghiệm đã thực sự nhấn chìm mọi ý định lý giải, chứng minh về mặt lý luận các quá trình chung của xã hội, thay thế việc nghiên cứu tổng quát bằng việc sử dụng những thủ pháp đơn lẻ. Điều đó không những không làm cho xã hội học tư sản có điều kiện phát triển hơn, mà lại bộc lộ ngày càng rõ nét những yếu kém về thể giới quan và phương pháp luận của nó. Chính điều này đã dẫn xã hội học tư sản tới miệt vực của sự sụp đổ, khiến cho nhiều nhà xã hội học tư sản công khai biểu lộ sự lo ngại.

Chính P. Parson, khi ở cương vị là Chủ tịch Hiệp hội xã hội học Mỹ, đã nhấn mạnh rằng, việc mở rộng một cách tràn lan những công trình nghiên cứu thực nghiệm trong chừng mực coi thường lý luận không hề làm phong phú cho phương pháp luận xã hội học, mà còn có thể đưa ngành khoa học này vào tình trạng “hỗn loạn và bê bối”⁽²⁾. Một nhà xã hội học nổi tiếng khác là F. Znaniecki, cùng thời điểm đó cũng đã lên tiếng cảnh tỉnh các đồng nghiệp của mình rằng sự phát triển không có giới hạn của những công trình thực nghiệm cộng với thái độ coi thường lý luận và phương pháp luận sẽ dẫn đến sự trì trệ và khủng hoảng chung của toàn bộ các khoa học xã hội, đặc biệt là xã hội học⁽³⁾.

Để khắc phục tình trạng nói trên, các nhà xã hội học tư sản bắt đầu chú ý đến những vấn đề phương pháp luận chung cho xã hội học tư sản. Người ta lại quay về các thư viện nghiên cứu tất cả những vấn đề lý thuyết mà các bậc tiến bối đã có dịp đề xuất nhưng lại bị lãng quên. Vấn đề phương pháp luận của xã hội học tư sản, vấn đề đi tìm một mô hình lý thuyết chung có thể lý giải được mọi quá trình và hiện tượng xã hội, trong những năm gần đây đã trở nên sôi động trong các hoạt động khoa học xã hội học. Phương pháp phân tích chức năng - cơ cấu do T.Parson, H.Merton và nhiều nhà xã hội học tư sản khác khởi xướng, nổi lên như là một phương pháp được tin cậy trong xã hội học tư sản từ những năm 1950 trở lại đây. Nếu quả như Parson đã nhấn mạnh rằng phương pháp luận của ông không có gì khác hơn là sự tập hợp lại một cách có hệ thống quan điểm của những người đi trước như Đuyéckhem

⁽²⁾ T. Parsons and H. Berker: *Sociology 1945 - 1946. American Journal of Sociology*, N° 3-k 48.

⁽³⁾ Xem F. Znaniecki: *Amerlsan Journat of Sociology*, N° 4-1948.

Parotô, Mác Vêbe, thì phá sản của nó trong những năm gần đây đã không khiến cho người ta phải ngạc nhiên.

Những thất vọng đối với phương pháp phân tích chức năng - cơ cấu, mà có một thời tưởng như duy nhất đúng đắn, có thể đối đầu với phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đã khiến cho xã hội học tư sản lúng túng và bối rối hơn nữa trên con đường tìm kiếm phương pháp luận. Khó mà có thể đoán trước được những gì mà các nhà xã hội học tư sản sẽ đưa ra trên con đường rẽ về nhiều ngã nhưng lại hạn hẹp và tối tăm này của xã hội học tư sản.

II

Trong quá trình đi tìm phương pháp luận cho xã hội học tư sản theo con đường của khoa học tự nhiên, trước hết và cũng thật oái oăm là các nhà xã hội học tư sản lại buộc phải giải quyết một loạt vấn đề hoàn toàn có tính chất phương pháp luận.

Muốn tránh khỏi sai lầm trong khi tiếp cận với những sự kiện xã hội, các nhà xã hội học tư sản không thể không có một cơ sở lý luận đúng đắn và khoa học để phân biệt bản chất những sự khác biệt giữa tự nhiên và xã hội. Ở đây, việc chối bỏ phương pháp luận duy nhất đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử đã khiến các nhà xã hội học tư sản không gỡ ra được những sợi dây đan chéo vào nhau của những nhân tố phức tạp giữa chủ quan và khách quan, giữa xã hội và tự nhiên, giữa tính quy luật và tính ngẫu nhiên.

Trước hết, trong tự nhiên, rõ ràng mọi sự vật và hiện tượng đều vận động và phát triển theo những quy luật nhất định mà con người có thể tính toán được bằng những công thức, định luật, bằng sự nghiên cứu trong phòng thí nghiệm. Ở đây, việc công nhận tính quy luật của mọi sự vật và hiện tượng là điều không còn

phải bàn cãi nữa.

Ở xã hội lại khác. Ở đây, những sự kiện và quá trình lại diễn ra theo một cách thức riêng. Lịch sử rõ ràng không vận động theo cách thức của sự tuần hoàn, mà là của sự phát triển. Trong dòng chảy không ngừng nghỉ của lịch sử sự kiện và quá trình dường như chỉ diễn ra có một lần, giống như điều mà Hêraclít đã nói từ thời xa xưa rằng: “Người ta không thể tắm hai lần trên một dòng sông”. Nếu như trong lịch sử có sự lặp lại thì sự kiện cũng đã nằm trong những hoàn cảnh khác, với những con người cụ thể khác và nhất định không thể giống hoàn toàn với những gì đã xảy ra trước đây. Bởi vậy, có thể đặt câu hỏi: Phải chăng chỉ trong tự nhiên mới có sự vận động một cách có quy luật còn trong xã hội thì không có? Phải chăng không bao giờ lại có những sự kiện lịch sử trùng lặp?

Từ những vấn đề trên, trong xã hội học tư sản xuất hiện quan điểm coi tất cả các xã hội đều tồn tại trong những dạng cụ thể của riêng nó, trên cơ sở của “cái mà “nó là nó” chứ không phải “nó là cái gì khác””. Bởi vậy, nhà nghiên cứu không thể đi tìm, mà có tìm thì cũng không thể thấy được, những gì là đặc tính chung cho mọi xã hội. Ở đây, cái mà họ quan tâm chính là những xã hội cụ thể, “xã hội của Napôlêông hoặc xã hội của Tần Thủy Hoàng”, với những nét riêng biệt đã có ở cái này thì không có ở cái kia. Nếu xảy ra một sự giống nhau nào đó giữa chúng thì điều đó hoàn toàn cũng chỉ là tình cờ. Người ta không quan tâm tới việc tìm các quy luật của xã hội, mà hướng vào việc phản ánh sự việc và quá trình riêng lẻ, cụ thể. Trong những trường hợp này, xã hội được diễn tả như là sự tập hợp của những sự kiện ngẫu nhiên, diễn ra theo những phương thức khác nhau mà con người khó có thể lường trước được. Bởi vậy, cách thức tốt nhất mà các nhà xã hội

học đi tới với hiện thực khách quan là sao chép chúng càng chi tiết và đầy đủ bao nhiêu càng tốt. Phương pháp quy nạp được dùng ở đây không phải để tìm ra quy luật của xã hội, mà chỉ để diễn tả và nhận thức chúng mà thôi.

Parxon và những nhà chức năng - cơ cấu chẳng hạn, trong khi nghiên cứu sự vận động thăng bằng của các thành phần xã hội trên cơ sở của những “chuẩn mực” và “giá trị”, cũng không hề bày tỏ ý muốn đi xa hơn việc miêu tả chúng. Trong bức tranh cơ cấu được vạch ra một cách phức tạp và rối rắm, các nhà chức năng - cơ cấu chỉ dừng lại ở mức độ tập hợp các sự kiện (dùng là sự tập hợp không đơn lẻ mà có tính hệ thống như Parxon quan niệm), nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa chúng, mà chưa bao giờ đi tìm nguyên nhân, bản chất và tính quy luật của những sự kiện này.

Khi nói về hệ thống phương pháp luận của mình, Parxon nhấn mạnh: “Kiểu mẫu hợp lôgic của một hệ thống lý thuyết khái quát đang được bàn luận có thể được coi là “một hệ thống chức năng - cơ cấu”... Nó bao gồm hệ thống các phạm trù cơ cấu, các phạm trù này phải hợp lôgic nhằm đem lại một sự *miêu tả xác thực* về một hệ thống thực nghiệm thích hợp. Một trong những chức năng lớn nhất của hệ thống ở mức độ này là *đảm bảo tính chất toàn vẹn, không bỏ qua bất cứ một sự kiện quan trọng nào và do đó miêu tả mọi yếu tố cơ cấu chủ yếu cùng các mối quan hệ cơ cấu của hệ thống một cách rõ ràng*”⁽⁴⁾. Như vậy, mục tiêu phương pháp luận cao nhất mà Parxon nêu ra cho các nhà khoa học được gói gọn một cách rõ ràng vào sự miêu tả các sự kiện và quá trình xã hội, và chỉ dừng lại ở đó.

Rõ ràng không thể có một ngành khoa học nào lại phát triển trên cơ sở chạy theo việc miêu tả những cái ngẫu nhiên. Bản chất của khoa học, nhiệm vụ của nó không dừng lại ở những sự ghi chép, mà là tìm ra các quy luật. Bởi vậy, tất cả những công thức toán học, những biểu đồ thống kê được sử dụng trong việc mô hình hóa những sự kiện ngẫu nhiên đã không giúp cho những nhà xã hội học tư sản tìm ra lời giải đáp chính xác về xã hội. Những kết luận khoa học của các nhà xã hội học tư sản, theo cách đánh giá của chính họ, cũng chỉ hoàn toàn mang tính chất tương đối và hạn chế.

Trong quá trình nghiên cứu xã hội giống như là những hiện tượng tự nhiên, nghiên cứu xã hội theo phương thức của khoa học tự nhiên, các nhà xã hội học tư sản cũng vấp phải một vấn đề phương pháp luận cơ bản khác. Sự vận động và phát triển của xã hội, khác với tự nhiên, không thể diễn ra bên ngoài những hoạt động có ý thức của con người.

Nếu trong tự nhiên, những quy luật được thể hiện trong sự tác động qua lại của những lực lượng vô ý thức không cần tới sự can thiệp nào của con người, thì trong xã hội, chính con người phải gánh lấy trách nhiệm làm nên lịch sử thông qua ý thức của mình. Mác và Ăngghen đã nhiều lần bác bỏ quan điểm cho rằng con người là những con rối đang đóng một vở kịch viết sẵn. Các ông luôn luôn nhấn mạnh rằng, trong vở kịch lịch sử, con người bao giờ cũng vừa là diễn viên vừa đồng thời là tác giả. Ở đây, tính tất yếu lịch sử một mặt được biểu hiện dưới hình thức hoạt động tự do của con người, mặt khác chính sự tự do lựa chọn mục đích, động cơ và phương thức hoạt động của con người lại chịu sự quy định của điều kiện khách quan. Nói một cách khác, kết quả những hoạt động của con người không phải lúc nào cũng trùng hợp với mục đích ban đầu mà họ đề ra. Hoạt động tự do của con

⁽⁴⁾ Talcott Parsons: *The present position and prospects of systematic theory in sociology. The free press. New York, 1967, tr. 277.* Những chữ in nghiêng là do tôi nhấn mạnh - Đ.C.K.

người không thể vượt ra khỏi những điều kiện khách quan và lịch sử.

Bởi vậy, xã hội học mácxít quan niệm rằng, trong khi tiếp cận với sự vận động và phát triển của xã hội như một quá trình lịch sử - tự nhiên, nhà xã hội học không thể không nghiên cứu trực tiếp những hoạt động của con người, nhận biết nó với những gì máy móc chết cứng trong tự nhiên. Đồng thời, nhà xã hội học một mặt không được phép bỏ qua những hoạt động phức tạp của ý thức con người, mặt khác lại phải phân biệt những động cơ chủ quan với nội dung khách quan trong hành động thực tế của nó.

Không giải quyết được vấn đề phương pháp luận trên, các nhà xã hội học tư sản không thể đi sâu vào bản chất, mà chỉ phản ánh những hiện tượng bề ngoài của xã hội. Các quan điểm về phương pháp luận trong xã hội học tư sản dường như bị trôi giạt về hai hướng. Một hướng nghiêng về những hoạt động chủ quan của con người, với những trường phái nghiên cứu tâm lý học xã hội, đạo đức, văn hóa...; còn hướng kia lại chỉ chú ý tới mặt cơ cấu khách quan của xã hội, tới sự vận động qua lại của các nhóm và các nhân một cách máy móc và cứng nhắc. Chính Parson, khi nhận định về phương pháp luận xã hội học tư sản, đã phải nhận xét: “Những nhà duy nghiệm như trên thường vịn vào sức mạnh của các bộ môn khoa học tự nhiên. Nhưng toàn bộ lịch sử khoa học chứng tỏ đó là một sự giải thích sai lầm to lớn”⁽⁵⁾.

Trong khi tiếp cận với thực tế xã hội, các nhà xã hội học tư sản cũng không tìm thấy một cơ sở lý luận để thống nhất các cấp độ nghiên cứu và nhận thức, tập hợp và xử lý đúng đắn những phương pháp và kỹ thuật mà họ sử dụng. Các nhà xã hội học tư sản, cho tới tận ngày nay, vẫn cứ phải kêu gọi xây dựng chiếc cầu nối liền những bến bờ quá xa xôi giữa thực nghiệm và lý thuyết, giữa xã hội học vĩ mô và xã hội học vi mô, tìm một chất kết dính để liên hệ tất cả các phương pháp nhận thức xã hội.

Rõ ràng, trong quá trình tiếp cận và nhận thức thực tế xã hội, các phương pháp phân tích thực nghiệm đóng một vai trò quan trọng đặc biệt. Thực nghiệm là con đường đưa ý thức của con người ra khỏi sự trừu tượng để trở về với thực tiễn, là phương thức đúng đắn để đạt tới những tri thức mới. Tuy vậy, bản thân phương pháp thực nghiệm chưa đủ. Nó không thể thay thế cho mọi hình thức tư duy khoa học khác và không thể một mình nó nắm được chân lý khách quan.

Việc đề cao quá đáng phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu đã dẫn các nhà xã hội học tư sản đi sâu vào những cánh rừng rậm đầy gai góc mà không có đường ra. Họ sa đà vào việc miêu tả một cách chi tiết, mà không nhìn thấy toàn bộ cánh rừng cùng những gì đang xảy ra quanh nó. Điều này không thể không dẫn đến những kết luận khoa học theo kiểu “những người mù sờ voi”. Trong trường hợp này, sự “sự khái quát khoa học” xuất phát từ những chi tiết vụn vặt, được ghi nhận trong quá trình lạc lối trong rừng, không thể đại diện chính xác cho cả một hệ thống những gì xảy ra ở xã hội. Nhà xã hội học Bungari nổi tiếng, Giáo sư V. Đôbrianốp đã nói rất đúng đắn rằng: “Một anh chàng Rôbinxon đơn độc và tách biệt khỏi xã hội không thể là một mô hình tốt cho việc nghiên cứu bằng thực nghiệm các hiện tượng xã hội”. Càng đi sâu vào nghiên cứu thực nghiệm miêu tả một cách chi tiết các quá trình và hiện tượng đơn lẻ trong xã hội, các nhà xã hội học tư sản càng chỉ thấy “những vết loang nhỏ trên lưng voi” mà không biết được toàn bộ hình thù thật sự của nó. Họ không thể nhìn nhận và đánh giá đầy đủ về con người và xã hội chỉ bằng những kiến thức thu nhận được từ

⁽⁵⁾. Parseas: Sách đã dẫn, tr. 221.

những cuộc tiếp xúc với các chàng Rôbin- xon riêng lẻ. Về điều này, cũng chính Parxon đã phải lên tiếng cảnh báo như sau: “Thật là một điều nguy hiểm nếu chỉ chú trọng tới lý thuyết ở mức độ khái quát hóa thực nghiệm mà không quan tâm tới những sự kiện khác... Sự nổi bật của xu hướng này đã dẫn đến những hậu quả tai hại đáng kể”⁽⁶⁾.

Các nhà xã hội học tư sản không phải không tìm mọi cách để khắc phục tình trạng nói trên. Mặc dù vậy, trên lĩnh vực lý thuyết, trong khi cố gắng đập đập ngăn cản dòng nước lũ thực nghiệm, bắt nó trôi vào khuôn khổ của lý luận, thì chính các nhà xã hội học tư sản lại bị giạt vào một bến bờ khác. Xa rời những thực tế cụ thể của xã hội, họ không có cách nào khác hơn là trở thành những nhà khoa học tự biện và duy tâm. Những sai lầm về phương pháp luận đã dẫn xã hội học tư sản đến tình trạng là: “Trong khi một khuynh hướng thì tìm cách xây dựng những công trình lớn lao với những hành động thuần túy lý trí và không kinh qua những thủ tục kỹ thuật, thì khuynh hướng kia thử tìm cách loay hoay với bàn tay trần và loại bỏ mọi công cụ và trang bị kỹ thuật”⁽⁷⁾.

Ở đây, chúng ta không hề có ý định phủ nhận những đóng góp đáng kể của các nhà xã hội học tư sản trong việc sử dụng một cách có hiệu quả phương pháp thực nghiệm, những thủ thuật điều tra, thăm dò, trung cầu ý kiến, tiến tới phản ánh và miêu tả những sự kiện xã hội. Nhưng rõ ràng tất cả những thành công trên không thể không lấp đầy được sự trống vắng cơ bản về phương pháp luận mà, trên một mức độ tổng quát hơn, còn khiến cho việc nhận thức những quy luật chung của xã hội trở nên sai lạc.

III

Có rất nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đã khiến cho xã hội học tư sản không thể tìm ra và không bao giờ tìm ra được một phương pháp luận chính xác và khoa học để có thể tiếp cận và nhận thức được một cách đúng đắn thực tại khách quan. Vật cản lớn nhất trên con đường đi tới nhận thức thực tại khách quan lại nằm ngay trong sự suy nghĩ chủ quan của các nhà xã hội học tư sản, ở thế giới quan giai cấp của họ.

Hệ tư tưởng tư sản cũng như các luận điểm cơ bản của xã hội học tư sản bao giờ cũng đối lập với sự vận động và phát triển khách quan của lịch sử. Hơn bao giờ hết, ngày nay sự diệt vong tất yếu của giai cấp tư sản đang được khẳng định và ngày càng trở thành sự thực không thể chối cãi được. Không phải ở đâu khác, mà chính trong những hoạt động nghiên cứu khoa học, trong sự tiếp cận và nhận thức thực tế xã hội, các nhà xã hội học tư sản đã phải đụng chạm tới sự thật cay đắng này.

Nếu ở các nhà xã hội học macxit, tính khoa học và tính giai cấp trở thành một thể thống nhất, thúc đẩy sự phát triển không ngừng những hoạt động nghiên cứu khoa học, thì ở các nhà xã hội học tư sản, chúng lại trở thành những lực lượng đối nghịch như nước với lửa. Để có thể nhận thức được một cách khoa học các quá trình và hiện tượng xã hội, các nhà xã hội học tư sản buộc phải đứng trước một sự lựa chọn đau xót. Một mặt, nếu chấp nhận tính chất khoa học của việc nghiên cứu, chấp nhận sự vận động khách quan của xã hội, thì có nghĩa rằng họ phải tự phủ nhận mình. Mặt khác, nếu muốn bảo vệ quyền lợi giai cấp, duy trì sự tồn tại của mình, thì họ không có cách nào khác hơn là phủ nhận sự thật, chống lại sự vận động tất yếu của lịch sử. Ở đây, ngoài một số những nhà khoa học chân chính có thể đi đến với hiện thực khách quan

⁽⁶⁾, ⁽⁷⁾. T. Parsons: Sách đã dẫn, tr. 119.

bằng con đường nhận thức khoa học, những người còn lại hoặc không có khả năng nhận thức hoặc cố tình phủ nhận nó.

Xã hội học tư sản hoặc được hướng vào mục tiêu phủ nhận và xuyên tạc những quy luật cơ bản của thực tế xã hội, những quy luật đối lập với quyền lợi của giai cấp tư sản, hoặc đi sâu vào phân tích và miêu tả những chi tiết vụn vặt, chạy chữa kịp thời những căn bệnh xấu xa trong xã hội tư bản trên cơ sở bảo vệ và duy trì sự tồn tại của nó. Bởi vậy, trong trường hợp này, phương pháp luận của xã hội học tư sản chỉ là một hệ thống những phương pháp được sử dụng cho mục tiêu nói trên. Nó không nhằm phân tích một cách khách quan khoa học sự vận động và phát triển của xã hội, mà chỉ để biện minh và bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản. Bởi vậy, về bản chất, phương pháp luận của xã hội học tư sản là phản khoa học. Những thủ pháp mà xã hội học tư sản sử dụng trong quá trình điều tra, nghiên cứu khoa học không phải để tìm ra những quy luật khách quan của xã hội, mà để có tình phản ánh nó một cách méo mó và sai lệch. Phương pháp thường dùng nhất đối với các nhà xã hội học tư sản, chẳng hạn dựa vào sự tổng hợp những sự kiện nhỏ bé, đơn lẻ để giải thích những vấn đề chung cho xã hội, thực chất chỉ là một thứ ảo thuật nhằm xuyên tạc sự thật. Về điều này, trong bài báo của mình nhan đề *Thống kê học và xã hội học*, Lênin đã vạch rõ: “Trong lĩnh vực những hiện tượng xã hội, không có phương pháp nào lại phổ biến hơn và vô căn cứ hơn là phương pháp tách riêng biệt các sự việc nhỏ ra và chơi trò đưa ra những ví dụ.

Nói chung thì thu thập những ví dụ không tốn công gì, nhưng đó là công việc không có chút ý nghĩa nào, hoặc chỉ có ý nghĩa thuần túy tiêu cực, vì mọi sự việc đều phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của những trường hợp riêng biệt. Nếu xét sự việc đó không trong chính thể

của chúng, không trong mối liên hệ của chúng, nếu chúng bị tách rời và bị lựa chọn tùy tiện, thì chúng thật đúng chỉ là những trò chơi hay là một thứ còn tệ hơn nữa”⁽⁸⁾.

Chừng nào mà các nhà xã hội học tư sản còn chưa từ bỏ những trò chơi ảo thuật nói trên thì họ còn chưa thể có được một nhận thức khách quan và khoa học các quá trình và hiện tượng xã hội, phương pháp luận của xã hội học tư sản vẫn còn là một hệ thống những phương pháp không xác đáng và bẽ tắc.

Sự khủng hoảng về phương pháp luận trong xã hội học tư sản đã được chính các nhà xã hội học tư sản thừa nhận. Không phải ai khác, mà chính Mác Vê - be, “ông Mác của giai cấp tư sản” như danh hiệu mà các học giả tư sản đã gán cho ông, đã nhiều lúc bày tỏ sự hoài nghi và chán ngán chính hệ thống phương pháp luận trừu tượng của mình. Trên sách báo cũng như trước học trò, ông đã nhiều lần giải thích phương pháp luận của mình không phải để tìm hiểu và nhận thức đầy đủ sự vận động và phát triển của xã hội, mà chỉ để cảm nhận nó. Khả năng của con người cũng như của khoa học, theo ông, chỉ có thể đạt tới mức độ như vậy.

Đã hơn một nửa thế kỷ trôi qua rồi sau ngày mất của M. Vêbe, những xã hội học tư sản vẫn chưa tìm được một hệ thống phương pháp luận “ổn định và có thể chấp nhận được”, giúp cho nó có thể trở thành một ngành khoa học thực thụ. Không có được một mục tiêu khoa học chân chính, một thế giới quan và phương pháp luận khoa học, dù cố gắng tới mức độ nào, xã hội học tư sản vẫn không thể thoát khỏi bẽ tắc và khủng hoảng.

⁽⁸⁾ *Lênin toàn tập*, tập 30. Nhà xuất bản Tiến bộ, Matxcova, 1981, tr. 430.